

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Sản phụ khoa.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN DANH CƯỜNG.

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1964 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Lạng Giang, Bắc Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 12 Phố Điện Biên, phường Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 24 ngõ 35 phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0983212099 ;

E-mail: tranhdanhcuong.pstw@gmail.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1982-1988: Sinh viên trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1988-1991: Bác sĩ nội trú khoá 15 trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1991-1998: Hợp đồng Giảng viên Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1995-1996: Bác sĩ nội trú FFI tại Trường Đại học Y Lille, CH Pháp.

Từ năm 1998-nay: Giảng viên Bộ môn Phụ sản- Trường Đại học Y Hà Nội.



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ năm 2000-2001: Học DIU Siêu âm Sản phụ khoa chẩn đoán trước sinh tại đại học Y Brest, Cộng Hoà Pháp.

Từ 2001-2002: Học DIU Y học thai nhi tại Đại học Y Limoges, CH Pháp.

Từ năm 2002-2010: Phó trưởng khoa Sản Bệnh lý-Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ năm 2006-2012: Phó Giám đốc trung tâm Chẩn đoán trước sinh- Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ năm 2010-nay: Trưởng khoa Sản Bệnh lý-Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ năm 2012-nay: Giám đốc Trung tâm Chẩn đoán trước sinh- Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ năm 2013-2018: Phó giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ 2014-2019: Phó Chủ nhiệm bộ môn Phụ sản- Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2018-nay: Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Từ 2019-nay: Chủ nhiệm bộ môn Phụ sản- Trường Đại học Y Hà Nội

Chức vụ hiện nay:

- Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương
- Chủ nhiệm bộ môn Phụ sản-Trường Đại học Y Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay:

- Trường Đại học Y Hà Nội. Địa chỉ: Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.
- Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Địa chỉ: Số 43 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 1990; số văn bằng: A37061; ngành: Bác sĩ y khoa, chuyên ngành: Đa khoa Ngoại sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng CKI ngày 04 tháng 12 năm 1991; số văn bằng: 666/SĐH.CK1TT; ngành: Y học; chuyên ngành: Sản; Nơi cấp bằng CKI (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 6 tháng 9 năm 1999; số văn bằng: 13026; ngành: Y học; chuyên ngành: Sản phụ khoa; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 4 năm 2008; số văn bằng: 05472; ngành: Y học; chuyên ngành: Sản Phụ khoa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng CKI ngày 04 tháng 12 năm 1991; số văn bằng: 666/SĐH.CK1TT; ngành: Y học; chuyên ngành: Sản; Nơi cấp bằng CKI (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng Liên đại học; ngày 04 tháng 11 năm 2002; số văn bằng: 0INT920010204; ngành: Y học; chuyên ngành: Y học thai nhi; Nơi cấp bằng liên đại học (trường, nước): Trường Đại học Limoges, CH Pháp.

- Bằng Liên Đại học siêu âm Sản phụ khoa; ngày 11/10/2001. Nơi cấp bằng: Trường Đại học Y Brest, CH Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Y học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Chẩn đoán dị dạng thai nhi bằng siêu âm.

Hướng nghiên cứu 2: Chẩn đoán trước sinh các bệnh lý di truyền ở cấp độ NST và gen.

Hướng nghiên cứu 3: Sản bệnh lý.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hoàn thành 6 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên trong đó có 2 đề tài cấp nhà nước, 04 đề tài cấp Bộ.

- Đã công bố (số lượng) 110 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 01 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 05 cuốn sách (trong đó có 3 cuốn chuyên khảo và 2 cuốn giáo trình) thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Đạt danh hiệu “Giảng viên được sinh viên bình chọn” liên tục nhiều năm (2013-2014, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2021-2022).

- Đạt hiệu lao động sáng tạo nhiều năm (2010, 2011, 2015).

- Đạt danh hiệu giảng viên cao cấp năm 2011.

- Được tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú năm 2021.

- Bằng khen có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thí điểm đào tạo Bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 35 năm từ năm 1988 đến nay.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			4		195	210	405/573/320
2	2018-2019	1	1	5	1	205	200	405/573/320
3	2019-2020			6	2	180	175	355/580/360
03 năm học cuối								
4	2020-2021			6	1	283	250	533/683/360
5	2021-2022	2		3	1	325	279	604/779/360
6	2022-2023	1		5		255	210	465/665/360

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước - Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Có.

Được đào tạo trình độ Liên Đại học về Y học thai nhi tại trường đại học Limoges, CH Pháp. Số bằng: 0INT920010204; ngày 4 tháng 11 năm 2002.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Thị Hoa	X			X	2010-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	Số 695/QĐ-ĐHYHN ngày 29/3/2019.
2	Cần Bá Quát	X		X		2012-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số 3311/QĐ-ĐHYHN ngày 6/8/2021.
3	Đào Thị Thanh Hường	X		X		2014-2022	Trường ĐH Y Hà Nội	Số 2954/QĐ-ĐHYHN ngày 5/8/2022.
4	Phạm Thị Mai Anh	X		X		2014-2018	Trường ĐH Y Hà Nội	Số 777/QĐ-ĐHYHN ngày 26/3/2018.
5	Trần Thị Sơn Trà	X		X		2014-2021	Trường ĐH Y Hà Nội	Số 1958/QĐ-ĐHYHN ngày 18/6/2021.

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi công nhận học hàm Phó giáo sư							



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Siêu âm tim thai nhi	CK	NXB Y học, năm 2023. ISBN: 978-604-66-6136-8	1	X	Toàn bộ cuốn sách	Trường Đại học Y HN; QĐ số 1645/QĐ-ĐHYHN
2	Chẩn đoán trước sinh dị dạng thỉ bằng siêu âm 3D-4D	CK	NXB Y học, năm 2023. ISBN: 978-604-66-6133-7	1	X	Toàn bộ cuốn sách	Trường Đại học Y HN; QĐ số 1647/QĐ-ĐHYHN
3	Mãn kinh: Chẩn đoán và điều trị	GT	NXB Y học, năm 2023. ISBN: 978-604-66-6162-7	5	X		Trường Đại học Y HN; QĐ số 1646/QĐ-ĐHYHN
4	Sản khoa	GT	NXB Y học, năm 2023. ISBN: 978-604-66-5651-7	27	X	159-170, 340-353	Trường Đại học Y HN; QĐ số 1625/QĐ-ĐHYHN
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sàng lọc một số bất thường bẩm sinh hay gặp	CK	NXB Y học, 2023, ISBN:	11	X	Toàn bộ cuốn sách	Trường Đại học Y HN; QĐ số .../QĐ-ĐHYHN

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng kỹ thuật tại chỗ huỳnh quang trong chẩn đoán một số bệnh tật di truyền	Tham gia	Đề tài cấp Bộ (Số ĐK: 2008-64-277)	2005-2008	2008
2	Nghiên cứu ứng dụng một số phương pháp chẩn đoán sớm tật bẩm sinh của thai nhi từ 12-15 tuần	Tham gia	Đề tài cấp Bộ	2008	
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp chẩn đoán trước sinh, tư vấn sinh sản và dị tật bẩm sinh tại các vùng ô nhiễm nặng chất da cam/dioxin.	CN đề tài nhánh	Đề tài cấp Quốc gia (Mã số KHCN-33.05/11-15)		QĐ số 2188/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 9 năm 2016. Xếp loại: Xuất sắc.
4	Xây dựng danh mục năng lực hành nghề Bác sỹ chuyên khoa cấp I sản phụ khoa	Tham gia	Đề tài cấp Bộ (Số ĐK: 2017-64-1305)	06/2014-12/2016	08/08/2017
5	Nghiên cứu xây dựng quy trình BoBs để chẩn đoán trước sinh trong phát hiện một số lệch bội và mất đoạn nhỏ nhiễm sắc thể	CN	Đề tài cấp Bộ (Mã số: KQ024548 Số ĐK: 2020-64-256/KQNC)	04/2018-03/2020	QĐ số 2664/QĐ-BYT ngày 24/6/2020. Xếp loại: Đạt.
6	Nghiên cứu xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tầm soát trước sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam.	CN	Đề tài cấp Quốc gia (Mã số: KC-4.0-08/19-25)	2020-2023	Đã nghiệm thu. Số 996/QĐ-BKHCN ngày 24/5/2023. Xếp loại: Đạt.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

1. BÀI BÁO QUỐC TẾ

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Sau khi được công nhận PGS/TS								
Hướng Nghiên cứu 1: Chẩn đoán trước sinh các bất thường trên siêu âm								
1	Relation Between Increased Fetal Nuchal Translucency Thickness and Chromosomal Defects in	3		Cureus	Thuộc Scopus Q4		13(10) :e18446	2021

	Northern Vietnam							
2	Value of Nuchal Translucency in Detection of Chromosomal Aberration in Vietnam Population	3		Scientific Research and Community	Thuộc Scopus Q4		3(4) 1-5	2021
3	Typical Morphological Features on Prenatal Ultrasound of Fetuses With Trisomy 13 (Patau's Syndrome)	13	x	Journal of Clinical Gynecology and Obstetrics	Thuộc Scopus Q4		Vol.12 N.1: 8-14	2023
Hướng Nghiên cứu 2: Chẩn đoán trước sinh các bệnh lý di truyền ở cấp độ nhiễm sắc thể và gen								
4	Ten years experiences of diagnosis spinal muscular atrophy using molecular techniques	17		Annals of Translational Medicine	Thuộc Scopus Q1, IF: 3.932		3(Suppl2)	2015
5	Carrier screening and prenatal diagnosis for α - and β -thalassemia in pregnancies at risk in National Hospital of Pediatrics, Vietnam	10		Annals of Translational Medicine	Thuộc Scopus Q1, IF: 3.932		3(Suppl2)	2015
6	Cytogenetic Findings on 11,451 Cases of	9	x	Global Journal of Health Science	Thuộc Scopus Q3, IF: 1.26		Vol. 10, No. 6	2018

	Amniocentesis in Hanoi, Vietnam							
7	Genetic Analysis for Prenatal Diagnosis via Amniocentesis at Vietnam National Hospital of Obstetrics and Gynecology from 2012 to 2016	6	x	Research in OB&GY	Thuộc Scopus Q4, IF: 1.112		6(2)	2018
8	High prevalence of maternal mosaic monosomy X in pregnant women in Vietnam	19	x	J Matern Fetal Neonatal Med	Thuộc Scopus Q3, IF: 2.398		36(1): 2155044	2022
9	Prevalence of Thalassemia in the Vietnamese Population and Building a Clinical Decision Support System for Prenatal Screening for Thalassemia	9	x	<i>Mediterranean Journal of Hematology and Infectious Diseases,</i>	Scopus Q1/ISI; IF: 3.122		15(1) p. e2023026	2023
Hướng nghiên cứu 3: Sản bệnh lý								
10	The Value of Absence or Reversed of End Diastolic Flow Velocity in Umbilical Artery in Predicting Fetal Distress	4	x	Research in OB&GY	Thuộc Scopus Q4, IF: 1.112		6(2) 37-40	2018



	and Intrauterine Grow Restriction in Preeclampsia							
11	Emergent versus planned delivery in patients with placenta accreta spectrum disorders: A retrospective study	7		Medicine (Baltimore)	Scopus Q2/ISI; IF: 1.552		100(51): e28353	2021
12	Fear-Related Reasons for Avoiding Sexual Intercourse in Early Pregnancy: A Cross- Sectional Study	8	x	Sexual Medicine	Scopus Q2/ISI; IF: 2.66		9(6): 100430	2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

2. BÀI BÁO TRONG NƯỚC

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính (x)	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Loại tạp chí ISI hoặc Scopus hoặc IF (nếu có)	Số báo	Trang	Năm công bố
Hướng Nghiên cứu 1: Chẩn đoán trước sinh các bất thường trên siêu âm								
2.1. Trước khi được bổ nhiệm Phó giáo sư								
1.	Ứng dụng kỹ thuật lai tại chỗ huỳnh quang để chẩn đoán trước sinh hội chứng Down	4		Tạp chí Y học thực hành		530/11	9-11	2005
2.	Một số hình ảnh siêu âm thai liên quan với thai hội chứng Down	4		Tạp chí Nghiên cứu Y học		48/2	48/2	2007



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3.	<u>Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh hội chứng Turner</u> https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataTLKHHCN//CVv251/2008/CVv251V53S012008038.pdf	6		Tạp chí Nghiên cứu Y học		53/1	38-44	2008
4.	<u>Hội chứng Apert: Nhân một trường hợp được chẩn đoán trước sinh</u> https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataTLKHHCN//CVv251/2010/CVv251V70S52010097.pdf	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học		70/5	97-101	2010
5.	<u>Chẩn đoán siêu âm trước sinh và phân tích nhiễm sắc thể ở những trường hợp nang bạch huyết (Cystic Hygroma)</u>	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học		74/3	39-42	2011
6.	<u>Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh và xử trí sau sinh các bất thường thành bụng trước của thai</u>	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học	1 bìa	74/3	384-387	2011
7.	<u>Chẩn đoán trước sinh bằng siêu âm và phân tích nhiễm sắc thể ở những trường hợp không phân chia não trước của thai</u>	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học		74/3	234-237	2011
8.	<u>Tìm hiểu mối liên quan giữa bất thường nhiễm sắc thể với tăng khoảng sáng sau gáy ở thai nhi</u>	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học	1 bìa	92/04		
9.	<u>Bất thường thành bụng trước được chẩn đoán trước sinh bằng siêu âm</u>	2		Tạp chí Nghiên cứu Y học	1 bìa		59-64	2011
10.	<u>Nhiễm sắc thể của thai nhi có các bất thường thành bụng trước</u>	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học			9-12	2011
2.2. Sau khi bổ nhiệm Phó giáo sư								
11.	<u>Đánh giá sự liên quan giữa kích thước của khoảng sáng sau gáy với các loại bất thường hình thái ở thai có nhiễm sắc thể bình thường</u>	2	x	Tạp chí Phụ sản		12/2	146-148	2014
12.	<u>Đánh giá giá trị khoảng sáng sau gáy để chẩn đoán thai bất thường có nhiễm sắc thể bình thường</u>	3	x	Tạp chí Phụ sản		12/2	149-151	2014
13.	<u>Chẩn đoán khe hở môi của thai bằng siêu âm</u>	3		Tạp chí Phụ sản		12/2	142-145	2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

14.	Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh các bất thường tim thai bằng siêu âm	3		Tạp chí Y khoa hội Y học TPHCM	14/1/T 6	50-53	2014
15.	Đánh giá thái độ xử trí đối với các bất thường tim thai được chẩn đoán trước sinh bằng siêu âm	2	x	Tạp chí Y khoa hội Y học TPHCM	2/12	54-58	2014
16.	Nghiên cứu xác định tỷ lệ di tật ở thai nhi và trẻ sơ sinh tại bệnh viện phụ sản trung ương	5		Y học Việt Nam		144-150	2014
17.	Ứng dụng tỷ số phổi đầu trong đánh giá tiên lượng thoát vị hoành bẩm sinh của thai	2	x	Tạp chí Phụ sản	13/3	62-65	2015
18.	Kích thước não thất bên ở thai nghén bình thường	2	x	Tạp chí Phụ sản	13/3	66-69	2015
19.	Nhận xét kết quả siêu âm chẩn đoán trước sinh tắc tá tràng bẩm sinh tại bệnh viện phụ sản trung ương từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 6 năm 2014	2		Tạp chí Phụ sản	13/2A	107-110	2015
20.	Siêu âm chẩn đoán thoát vị hoành bẩm sinh	2	x	Tạp chí Phụ sản	13/2A	62-65	2015
21.	Bước đầu nghiên cứu chẩn đoán trước sinh và sau sinh hội chứng truyền máu song thai tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Tạp chí Phụ sản	14/1	26-29	2016
22.	Đánh giá kết quả thai nghén các trường hợp giãn đài bể thận tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2015	2		Tạp chí Phụ sản	14/1	30-33	2016
23.	Bước đầu xác định một số nguyên nhân gây giãn não thất thai nhi được chẩn đoán trước sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Tạp chí Phụ sản	14/1	34-37	2016
24.	Kết quả nhiễm sắc thể đồ ở những thai nhi có bất thường hình thái	2		Tạp chí Phụ sản	14/1	38-41	2016
25.	Tình hình siêu âm theo dõi thai sản ở Thanh Khê – Đà Nẵng	8		Tạp chí Y học Việt Nam	½	19-22	2016
26.	Giá trị của siêu âm thai để phát hiện thai bất thường nhiễm sắc thể	5		Tạp chí Y học Việt Nam	¼	01-05	2016
27.	Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh dị dạng bạch mạch dạng	2		Tạp chí Phụ sản	15/2	95-99	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	nang tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương							
28.	Tình hình chẩn đoán trước sinh ở Thanh Khê- Đà Nẵng và Biên Hoà	7		Tạp chí Y học Dược học Quân sự		Số chuyên đề Hội hình thái học	231-237	2017
29.	Bất thường nhiễm sắc thể trên thai nhi dị tật tim bẩm sinh	2		Tạp chí Phụ sản			16/1 52-57	2018
30.	Bước đầu siêu âm chẩn đoán trước sinh và kết quả thai phụ nghén thai nhi có dị dạng ống tiêu hóa tại bệnh viện Phụ sản trung ương	3		Tạp chí Phụ sản			16/1 58-62	2018
31.	Nghiên cứu kết quả chẩn đoán trước sinh của những trường hợp thai có tăng khoảng sáng sau gáy	4		Tạp chí Phụ sản			16/1 63-67	2018
32.	Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh giãn não thất thai nhi phát hiện ở 3 tháng cuối thai kì tại bệnh viện phụ sản trung ương	3		Tạp chí Phụ sản			16/1 68-72	2018
33.	Giá trị của tỉ số phổi đầu trong tiên lượng kết quả thai nghén và chẩn đoán trước sinh thoát vị hoành bẩm sinh bằng siêu âm	2	x	Tạp chí Phụ sản			16/3 16-21	2019
34.	Nghiên cứu một số chỉ số siêu âm của thai từ 11 tuần đến 13 tuần 06 ngày	4		Tạp chí Phụ sản			16/3 12-15	2019
35.	Chẩn đoán trước sinh bất thường nhiễm sắc thể ở thai có tứ chứng Fallot	4		Tạp chí Phụ sản			16/4 06-10	2019
36.	Thoát vị hoành bẩm sinh phát hiện qua siêu âm và thái độ xử trí	2		Tạp chí Phụ sản			16/4 18-22	2019
37.	Các yếu tố liên quan đến kết quả thai kỳ có giãn não thất bên của thai nhi	4		Tạp chí Nghiên cứu Y Học			123/7 71-80	2019
38.	Nguyên nhân và chẩn đoán trước sinh của giãn não thất thai nhi	4		Tạp chí Nghiên cứu Y Học			123/7 62-70	2019
39.	Xác định giá trị của bể lớn hồ sau trên siêu âm thai từ 11 tuần – 13 tuần 6 ngày	3		Tạp chí Phụ sản			18/4 17-21	2020
40.	Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh bằng siêu âm viêm phúc mạc bào thai	3		Tạp chí Phụ sản			18/3 14-18	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

41.	Chẩn đoán trước sinh bất thường nhiễm sắc thể ở thai mắc tim bẩm sinh liên quan đến quá trình giãn thân động mạch – nón tim	3		Tạp chí Phụ sản	18/2	9-14	2020
42.	Mối tương quan giữa chỉ số trung bình về kích thước thận thai nhi với một số chỉ số sinh trắc học khác bằng phương pháp siêu âm ở thai nhi bình thường 25- 35 tuần	3		Tạp chí Y học Cộng đồng	55/2	62-68	2020
43.	Xác định tuổi thai dựa vào chỉ số chiều dài đầu mông thai nhi trên siêu âm	6	x	Tạp chí Y học Cộng đồng	62/6		2021
44.	Khảo sát một số chỉ tiêu siêu âm đặc trưng trong sàng lọc hội chứng Down ở quý 1 và quý 2 thai kỳ tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	9		Tạp chí Nghiên cứu Y học	155/7	92-100	2022
45.	Chẩn đoán trước sinh nhiễm sắc thể ở thai dị tật tim bẩm sinh	3		Tạp chí Y học Việt Nam	518/ số đặc biệt	179-184	2022
46.	Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh và tình trạng sau sinh của các trường hợp bất sản thể chai tại Trung Tâm Chẩn Đoán Trước Sinh Bệnh Viện Phụ Sản Trung Ương	3		Tạp chí Y học Cộng đồng	64/ Special issue	266-272	2023
47.	Hình ảnh siêu âm và một số yếu tố tiên lượng trong dị dạng bạch mạch dạng nang	2		Tạp chí Y học Cộng đồng	64/ Special issue	252-258	2023
Hướng nghiên cứu 2: Chẩn đoán trước sinh các bệnh lý di truyền ở cấp độ nhiễm sắc thể và gen							
2.1. Trước khi được bổ nhiệm Phó giáo sư							
48.	Nghiên cứu hoàn chỉnh kỹ thuật phát hiện và phân tích nhiễm sắc thể ở tế bào tua rau	5		Tạp chí Nghiên cứu Y học	39/6	99-105	2005
49.	Phân tích nhiễm sắc thể của tế bào ối nuôi cấy có đối chiếu với kết quả của siêu âm thai và test sàng lọc trước sinh	4		Tạp chí Nghiên cứu Y học	40/1	47-53	2006
2.2. Sau khi được bổ nhiệm Phó giáo sư							
50.	Tìm hiểu mối liên quan giữa bất thường nhiễm sắc thể với tăng khoảng sáng sau gáy ở thai nhi	3	x	TC Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên		3-6	2012

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

51.	Hội chứng phù thai do Hemoglobin Bart's: sàng lọc người mang gen và chẩn đoán trước sinh	11		Tạp chí Y học Việt Nam	T9/ Số đặc biệt	159-165	2012
52.	Chẩn đoán trước sinh bệnh thiếu máu huyết tán beta thalassemia	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam	407/1	156-158	2013
53.	Bước đầu nhận xét về hậu quả chu sinh của thai nhi tăng khoảng sáng sau gáy có nhiễm sắc thể đồ bình thường	3	x	Tạp chí Phụ sản	11/2	06 - 08	2013
54.	Chẩn đoán di truyền trước sinh bệnh Beta Thalassemia tại bệnh viện Nhi Trung ương	6		Tạp chí Nghiên cứu Y học	81/01	8-14	2013
55.	Tìm hiểu mối liên quan giữa các chỉ định chọc ối với các loại bất thường nhiễm sắc thể của thai	3		Tạp chí Y học Việt Nam	408/2	56-60	2013
56.	Phòng bệnh phù thai do Hemoglobin Bart's: sàng lọc người mẹ mang thai, phát hiện người mang GEN bệnh và chẩn đoán trước sinh	10		Tạp chí Phụ sản	11/2	23-26	2013
57.	Chẩn đoán trước sinh bệnh α -thalassemia	5		Tạp chí Nghiên cứu Y học	89/4	8-14	2014
58.	Ứng dụng kỹ thuật BoBs để phát hiện một số hội chứng lệch bội và mất đoạn nhỏ nhiễm sắc thể trong thai chẩn đoán trước sinh	5		Tạp chí Phụ sản	15/2	08-11	2017
59.	Ứng dụng kỹ thuật BoBs để phát hiện một số hội chứng mất đoạn nhỏ và lệch bội nhiễm sắc thể thai trong chẩn đoán thai nhi có siêu âm bất thường hệ tim mạch	4		Tạp chí Phụ sản	16/1	37-41	2018
60.	Đặc điểm đột biến gen Globin của những đối tượng nguy cơ cao sinh con mắc Thalassemia tại Trung tâm chẩn đoán trước sinh Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2018	5		Tạp chí Phụ sản	16/3	22-27	2019
61.	Ứng dụng kỹ thuật BoBs để phát hiện một số bất thường nhiễm sắc thể trong chẩn đoán trước sinh	7		Tạp chí Phụ sản	16/3	36-41	2019
62.	Chẩn đoán trước sinh hội chứng DiGeorge tại Trung tâm Chẩn đoán trước sinh, Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3	x	Tạp chí Phụ sản	19/4	15-21	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

63.	Thực trạng sàng lọc bệnh thalassemia và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mang thai đến khám tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ		64/2	14-20	2021
64.	Nghiên cứu chỉ số free β -hCG, PAPP-A và khoảng sáng sau gáy của thai từ 11 tuần đến 13 tuần 06 ngày	4		Tạp chí Nghiên cứu Y học		137/1	30-37	2021
65.	Nghiên cứu đặc điểm kiểu gen và kiểu hình của các thai phụ mang gen bệnh beta thalassemia và HbE tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	6		Tạp chí Y học Việt Nam		518/ số đặc biệt	164-172	2022
66.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tư vấn sàng lọc trước sinh Thalassemia	12		Tạp chí Y học Việt Nam		526/5	360-364	2023
Hướng nghiên cứu 3: Sản bệnh lý								
2.1. Trước khi được bổ nhiệm Phó giáo sư								
67.	Một vài nhận xét về giá trị của monitoring trong theo dõi thai ở thai phụ nhiễm độc thai nghén	1	x	Tạp chí Thông tin Y dược			129-130	1999
68.	Tốc độ tâm trương bằng không trong Doppler động mạch rốn (Nhận xét nhân có một số trường hợp ở bệnh nhân nhiễm độc thai nghén)	2	x	Tạp chí Thông tin Y dược			131-133	1999
69.	Nhận xét về hình thái của phổ Doppler động mạch rốn ở những sản phụ tiền sản giật tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương (2/2005 - 7/2005)	2		Tạp chí Nghiên cứu Y học		39/6	260-268	2005
70.	Một số nhận xét về hậu quả chu sinh của những trường hợp tiền sản giật có chỉ số trở kháng ngoại biên của Doppler động mạch rốn bằng 1	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam		Số 2	Số 2	2007
71.	Nghiên cứu vai trò của phân tích hình thái phổ Doppler động mạch tử cung trong đánh giá tình trạng thai nhi ở thai phụ tiền sản giật	1	x	Tạp chí Y học Thực hành	1 bìa		133	2010
72.	Thăm dò Doppler động mạch tử cung trong thai nghén bình thường ở tuổi thai từ 28-42 tuần	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học	1 bìa	72/1	27-31	2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

73.	Đánh giá thăm dò Doppler động mạch tử cung bằng chỉ số RI ở thai nghén bình thường tuổi thai từ 28-42 tuần	1	x	Tạp chí Y học thực hành	1 bìa	748/1	99-100	2011
74.	Ứng dụng chỉ số manning để đánh giá sức khỏe thai ở thai phụ bị tiền sản giật nặng tại bệnh viện phụ sản Trung ương	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học		74/3	61-65	2011
75.	Chẩn đoán rau cài răng lược bằng siêu âm Doppler màu	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học		76/5	41-45	2011
76.	Nhận xét về kết quả điều trị u buồng trứng và thai nghén bằng phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương trong 3 năm 2008-2010	3		Tạp chí phụ sản			40-44	2011
2.2. Sau khi được bổ nhiệm Phó giáo sư								
77.	Nghiên cứu giá trị tiên lượng tình trạng thai của một số thăm dò trên bệnh nhân tiền sản giật tại bệnh viện phụ sản trung ương	2		Tạp chí phụ sản			60-67	2012
78.	Nhân trường hợp chữa tại đoạn eo và ống cổ tử cung thai 17 tuần trên bệnh nhân mổ đẻ cũ 2 lần	5		Tạp chí phụ sản			223-227	2012
79.	Bước đầu nghiên cứu siêu âm để chẩn đoán bệnh phù thai rau	3	x	Tạp chí Y học Việt Nam		408/2	75-79	2013
80.	Đánh giá phương pháp mổ dọc tử cung trong xử trí rau cài răng lược	3		Tạp chí Phụ sản		11/2	43-45	2013
81.	Nghiên cứu độ dài cổ tử cung của phụ nữ mang thai dọa đẻ non từ 28-32 tuần bằng siêu âm qua tầng sinh môn	4	x	Tạp chí Phụ sản		11/2	09-12	2013
82.	Nhận xét về kết quả và thái độ xử trí thai nghén trong phù thai-rau	3		Tạp chí Phụ sản		12/2	130-133	2014
83.	Bước đầu nghiên cứu các dấu hiệu siêu âm chẩn đoán trước sinh phù thai-rau	2	x	Tạp chí Phụ sản		12/2		2014
84.	Giá trị của siêu âm Doppler động mạch tử cung ở tuổi thai 11-13 tuần 6 ngày ở sản phụ	3		Tạp chí Phụ sản		12/2	79-82	2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	thai nghén nguy cơ cao trong dự đoán sớm tiền sản giật							
85.	Nghiên cứu giá trị tiên đoán đẻ non bằng sự kết hợp giữa chỉ số Bishop và độ dài cổ tử cung đo bằng siêu âm tại khoa sản bệnh lý Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3			Tạp chí Phụ sản	12/2	83-85	2014
86.	Nghiên cứu giá trị chỉ số Bishop để tiên đoán đẻ non tại khoa sản bệnh lý Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3			Tạp chí Phụ sản	12/2	86-88	2014
87.	Nghiên cứu một số nguyên nhân gây thiếu ối ở tuổi thai từ 13 đến 37 tuần tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	2	x		Tạp chí Phụ sản	13/2A	76-79	2015
88.	Nghiên cứu giá trị tiên lượng tình trạng thai của thăm dò Doppler ống tĩnh mạch Arantius trên thai chậm phát triển trong tử cung	3			Tạp chí Phụ sản	13/3	90-93	2015
89.	Nghiên cứu giá trị tiên lượng tình trạng thai của thăm dò Doppler động mạch rốn và Doppler ống tĩnh mạch Arantius trên thai chậm phát triển trong tử cung	4			Tạp chí Phụ sản	14/1	08-13	2016
90.	Bước đầu nghiên cứu xác định một số nguyên nhân phù thai – rau không do miễn dịch	2			Tạp chí Phụ sản	14/1	22-25	2016
91.	Giá trị của siêu âm Doppler động mạch tử cung, chỉ số não rốn thai nhi và test không kích thích trong tiên lượng thai ở bệnh nhân tiền sản giật	4			Tạp chí Phụ sản	14/1	50-55	2016
92.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, thái độ xử trí khi đẻ của thai phụ giảm tiểu cầu vô căn tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	2			Tạp chí Phụ sản	14/1	56-60	2016
93.	Nhận xét về chẩn đoán và xử trí rau cài răng lược tại Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương năm 2015	3			Tạp chí Phụ sản	14/1	68 – 72	2016
94.	Ảnh hưởng của giảm tiểu cầu trong thai kỳ đối với trẻ sơ sinh	2			Tạp chí Phụ sản	15/2	70-74	2017
95.	Kết quả chẩn đoán rau tiền đạo cài răng lược trên thai	2			Tạp chí Phụ sản	15/2	91-94	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	phụ có sẹo mổ lấy thai cũ bằng siêu âm							
96.	Giá trị tiên lượng thai khi siêu âm doppler động mạch rốn mất phức hợp tâm trương, xuất hiện dòng chảy ngược chiều ở bệnh nhân tiền sản giật	4		Tạp chí Phụ sản		16/1	47-51	2018
97.	Nhận xét về chẩn đoán và xử trí rau cài răng lược tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2017	3		Tạp chí Phụ sản		16/1	87-91	2018
98.	Điều trị dọa đẻ non ở song thai tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Tạp chí Y học Việt Nam		471/1	65-68	2018
99.	Kết quả thai nghén của những trường hợp thiếu ôi ở tuổi thai từ 22 đến 37 tuần tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	2		Tạp chí Y học Việt Nam		462/1	12-14	2018
100.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và xử trí sản khoa tiền sản giật tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Tạp chí Nghiên cứu Y học		135/11	143-149	2020
101.	Bước đầu đánh giá mối liên quan về tiêu cầu giữa thai phụ giảm tiêu cầu tự miễn và thai nhi	3		Tạp chí Y học Việt Nam		496 số đặc biệt	509-513	2020
102.	Breus' Mole - khối máu tụ lớn trong bánh nhau gây thiếu máu nặng ở thai phụ có thai 19 tuần	5		Tạp chí Phụ sản		19/4	70-73	2021
103.	Effectiveness of communication intervention to improve the sexual function of pregnant women	3		Tạp chí Nghiên cứu Y học		154/6	76-85	2022
104.	Tỉ lệ nhẹ cân sơ sinh và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2021	3		Tạp chí Y học Việt Nam		516/1	275-279	2022
105.	Thực trạng rối loạn chức năng tình dục và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mang thai đến khám thai tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương	4		Tạp chí Nghiên cứu Y học		153/5	66-74	2022
106.	Thực trạng tử vong mẹ và các yếu tố liên quan tại 31 tỉnh phía Bắc giai đoạn 2019-2021	9	x	Tạp chí Phụ sản		20/3	16-20	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

107.	Thực trạng và nhu cầu bác sĩ chuyên khoa sản làm việc tại bệnh viện tuyến tỉnh, huyện theo các vùng sinh thái Việt Nam	13	x	Tạp chí Y học cộng đồng	ISSN: 2354-0613	64 (2)	82-88	2023
108.	Phân tích các yếu tố liên quan đến trầm cảm sau sinh tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.	3		Tạp chí Y học Cộng đồng		64/3	97-103	2023
109.	Nghiên cứu kết quả thai nghén ở các trường hợp có nhịp chậm trên biểu đồ nhịp tim thai không kích thích	2		Tạp chí Y học Cộng đồng		64/ Special issue	259-265	2023
110.	Nghiên cứu một số biến thể di truyền gây tăng nguy cơ huyết khối ở phụ nữ mất thai tái diễn	7		Tạp chí Y học Việt Nam	ISSN: 1859-1868	526/ 1A	129-133	2023

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Phương pháp đánh giá chỉ số phân tích máu để hỗ trợ cảnh báo sớm nguy cơ mắc bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia)	Cục sở hữu trí tuệ	Số 44932/QĐ-SHTT ngày 22/6/2023.	Trần Danh Cường	11

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục về “Cấp cứu sản phụ khoa”	Tham gia	QĐ số 51/QĐ-K2ĐT ngày 28/6/2018.	Bộ Y tế	QĐ số 111/QĐ-K2ĐT ngày 28/9/2018	
2	Xây dựng Module giai đoạn 2 chương trình đào tạo bác sĩ y khoa đổi mới của trường Đại học Y Hà Nội	Trưởng Module	Số 2644/QĐ-ĐHYHN ngày 04/7/2019	Trường Đại học Y Hà Nội	Số 3010/QĐ-ĐHYHN ngày 28/7/2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Đủ (12 năm).

b) Hoạt động đào tạo:

- Đủ giờ giảng hàng năm.

- Đã hướng dẫn 5 NCS (trong đó hướng dẫn chính 4 NCS) bảo vệ thành công luận án TS.

- Đã hướng dẫn thành công 8 CH, 5 BSNT, 10 CKII.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Quốc gia, và chủ nhiệm 1 đề tài nhánh của đề tài cấp Quốc gia sau khi bổ nhiệm PGS.

- Đã đăng 12 bài trên tạp chí uy tín nước ngoài sau khi được bổ nhiệm PGS trong đó đứng tên chính 7 bài.

- Đã đăng 110 bài báo trên tạp chí trong nước trong đó đứng tên chính 23 bài.

- Đã đăng ký 01 bằng sở hữu trí tuệ về giải pháp hữu ích.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

- Đã hoàn thành 02 chương trình đào tạo.



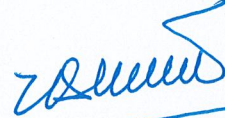
Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Đã xuất bản 05 cuốn sách trong đó có 02 cuốn giáo trình và 03 cuốn sách chuyên khảo sau
khi được bổ nhiệm PGS.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



PGS.TS. Trần Danh Cường

